TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Hoàng Thị Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Mỹ T**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm K, thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn T1**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Xóm K, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T và anh T1 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Mỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T1 có quan hệ tình cảm và có với nhau 01 con chung vào năm 2013. Từ lúc chị mang bầu cho đến khi con được 04 tuổi thì một mình chị tự sinh con và chăm sóc con, anh T1 và gia đình anh T1 không quan tâm chị và con. Năm 2017, anh T1 có qua lại, thăm hỏi, nói muốn bù đắp cho hai mẹ con chị và xin chị tha thứ nên chị đồng ý. Ngày 11-7-2017 chị và anh T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q. Đến tháng 9-2017 thì chị và anh T1 tổ

chức đám cưới. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống ở gia đình chồng và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không có việc làm, không lo làm ăn mà chơi game cả ngày, thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, ghen tuông vô cớ, xúc phạm và không tin tưởng chị. Có lần anh T1 còn đuổi chị về nhà cha mẹ đẻ nhưng sau đó vì thương con nên chị quay về sống với anh T1. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị không thể hòa hợp với chồng và gia đình chồng nên từ ngày 24-02-2018, chị dẫn con về nhà cha mẹ đẻ ở. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T1.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T1 có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 21-10-2013. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu được nuôi cháu K vì cháu K sống với chị từ trước đến nay, một mình chị chăm sóc con. Hiện nay chị đang có công việc và thu nhập ổn định, khoảng 7.000.000đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 20-3-2018 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Trương Thị Mỹ T về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong tất cả mọi việc thì chị T đều tự ý làm, không tham khảo ý kiến của chồng, sống không tình cảm với chồng. Nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 21-10-2013. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng vì chị T chăm con không chu đáo, lúc nóng giận có những lời nói thô tục với con. Hiện nay anh đang làm nghề hải sản với cô của anh nên công việc ổn định, thời gian làm việc thoải mái, ngày làm việc 04 giờ, thu nhập hàng tháng từ 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng nên anh có điều kiện chăm sóc con tốt hơn chị T. Tại phiên tòa, anh T1 trình bày nếu Tòa án giao con cho chị T nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1. Về con chung: Giao cháu Lê Minh K cho chị Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh K mỗi tháng 2.000.000đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Khi chị Trương Thị Mỹ T khởi kiện thì anh Lê Văn T1 đang cư trú tại xóm K, thôn C, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 11-7-2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 về sống chung nhà với cha mẹ chồng. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử tiếp tục hòa giải để chị T và anh T1 đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn và anh T1 đồng ý ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T1.

[3] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định vợ chồng chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 21-10-2013. Theo trình bày của chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 tại phiên tòa thì hiện nay cháu K đang sống với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu về nuôi con của chị T và anh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi cháu Lê Minh K được sinh ra, một mình chị T là

người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Đến năm 2017, chị T và anh T1 mới kết hôn và mẹ con chị T về sống chung nhà với cha mẹ anh T1. Tại phiên tòa, anh T1 cũng thừa nhận trong thời gian trực tiếp nuôi cháu K, chị T đã chăm lo tốt về sức khỏe và tinh thần cho cháu K. Hiện nay chị T đang có công việc và thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con. Ngoài ra, cháu K hiện nay tuổi còn nhỏ và đang sống cùng với chị T nên chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp. Tại biên bản làm việc ngày 11-4-2018, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ xã T cũng có ý kiến nên giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn T1 cho rằng chị T chăm con không chu đáo, những lúc nóng giận có những lời nói thô tục với con, nhưng khai nại này của anh T1 không được chị T thừa nhận, anh T1 cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chung của chị T và anh T1, Hội đồng xét xử giao cháu Lê Minh K cho chị Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị Trương Thị Mỹ T yêu cầu anh Lê Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Anh Lê Văn T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng trong trường hợp Hội đồng xét xử giao con cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy việc anh Lê Văn T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Lê Văn T1. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi con chung của anh T1 và chị T là cháu Lê Minh K đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

- Do chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 thuận tình ly hôn nên chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1, mỗi người phải chịu 150.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Lê Văn T1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Số tiền 150.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm mà chị T phải chịu sẽ được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Mỹ T số tiền 150.000đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 có 01 con chung là cháu Lê Minh K, sinh ngày 21-10-2013. Hiện nay cháu K đang sống cùng với chị Trương Thị Mỹ T.

Giao cháu Lê Minh K cho chị Trương Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lê Minh K mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trương Thị Mỹ T và anh Lê Văn T1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí:

- Chị Trương Thị Mỹ T phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002090 ngày 15-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Trương Thị Mỹ T 150.000đồng.

- Anh Lê Văn T1 phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Khê;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong